

Bản án số: 60/2026/HS-ST

Ngày 09 tháng 6 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thao**.

2. Bà Nguyễn Thị Hiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Lâm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Bà **Nguyễn Thị H** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng;
2. Bà **Ngô Thị Thu H1** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông **Nguyễn Văn T** - Cán bộ trực trại, Trại tạm giam số 2 - **Công an thành phố H**.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2 - **Công an thành phố H**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/HSST-QĐXX ngày 11 tháng 5 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa đối với bị cáo:

Nguyễn Đình G, sinh ngày 11/6/1984 tại **xã T, thành phố Hải Phòng**; số CCCD: 030084001095; nơi cư trú: **thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Đình N** và bà **Nguyễn Thị N1**; có vợ (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 05/7/2023 bị **Công an tỉnh H** xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 06/7/2023; bị tạm giữ từ ngày 18/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 24/01/2026; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - **Công an thành phố H**.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Chị **Phan Bích N2**, sinh năm 2003. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ**.

Chị **Trần Thị Thanh V**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Thôn H, xã B, tỉnh Tuyên Quang**.

Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Số A T, phường H, tỉnh Phú Thọ**.

Chị **Trần Cẩm D**, sinh năm 1996. Địa chỉ: **Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang**.

Anh **Nguyễn Duy A**, sinh năm 2003. Địa chỉ: **Số F T, phường N, Thành phố Hải Phòng**.

Anh **Nguyễn Quang Q1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Thôn M, xã H, Thành phố Hải Phòng**.

Anh **Đỗ Minh H2**, sinh năm 2003. Địa chỉ: **Số C Hồ S, phường L, Thành phố Hải Phòng**.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/9/2024, **Nguyễn Đình G** thuê căn nhà **số I T, phường T, thành phố Hải Phòng** của bà **Lê Thị Minh K** để kinh doanh dịch vụ massage, đặt tên là “Massage Queen” và quản lý hoạt động của quán. Giới nhận các nhân viên nữ gồm **Phan Bích N2, Trần Thị Thanh V, Nguyễn Thị Q, Trần Cẩm D** vào làm nhân viên của quán, cho ăn ở miễn phí tại quán. Như làm nhiệm vụ quản lý, đón khách ở quầy lễ tân, tư vấn dịch vụ, thu tiền, báo nhân viên thực hiện massage cho khách. **V, Q, D** là nhân viên phục vụ khách xông hơi, tắm bồn, mát xa, kích dục cho khách nam và được hưởng 50% tiền vé thu của khách; Giới hưởng 50%. **Do nhân viên mong muốn có thêm thu nhập và đề nghị, G đã đồng ý cho V, Q, D được tự bán dâm cho khách đến massage tại quán nếu khách có nhu cầu, tự thỏa thuận, tự thu tiền và hưởng 100% tiền bán dâm.**

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/01/2026, **Nguyễn Duy A, Nguyễn Quang Q1, Đỗ Minh H2** đến **quán M**. Sau khi được tư vấn, **H2, Q1** và **Duy A** chọn vé 1.800.000 đồng/người/lượt, tổng cộng 5.400.000 đồng, trả cho **Phan Bích N2**. Như bố trí **V** lên phòng VIP 4 massage kích dục cho **Duy A**, **D** lên phòng VIP 2 massage kích dục cho **H2**, **Q** lên phòng VIP 6 massage kích dục cho **Q1**. Tại phòng VIP 4, **Duy A** đặt vấn đề mua dâm, **V** đồng ý bán dâm với giá 1.000.000 đồng/lượt nhưng chưa trả tiền. Tại phòng VIP 6, **Q1** đặt vấn đề mua dâm, **Q** đồng ý bán dâm với giá 1.000.000 đồng/lượt và **Q1** đã trả cho **Q** 1.000.000 đồng. Khoảng 23 giờ

45 phút cùng ngày, khi V và Duy A, Q và Q1 đang quan hệ tình dục thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang.

Cơ quan điều tra thu giữ tại phòng của Duy A 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su và số tiền 1.000.000 đồng do Duy A giao nộp; tại phòng của Q1 thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su và 1.000.000 đồng do Q giao nộp; thu giữ số tiền 5.400.000 đồng do Phan Bích N2 giao nộp. Tổng số tiền thu giữ là 7.400.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSHPG-KV ngày 20/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Đình G về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như nêu trên, nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình G phạm tội “Chứa mại dâm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G từ 13 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 26 đến 32 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình G cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.400.000 đồng .
- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Nguyễn Đình G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định tổ tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai tại giai đoạn điều tra của những người làm chứng là Phan Bích N2, Trần Thị Thanh V, Nguyễn Thị Q, Trần Cẩm D, Nguyễn Duy A, Nguyễn Quang Q1, Đỗ Minh H2, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Đình G là người thuê, quản lý quán M; trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút đến 23 giờ 45 phút ngày 17/01/2026, G biết và đồng ý cho 02 nhân viên nữ bán dâm cho 02 khách tại các phòng VIP của quán thì bị phát hiện bắt quả tang.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh và chính sách phòng, chống tệ nạn mại dâm của Nhà nước. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Đình G về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đình N, là người có nhiều thành tích tham gia kháng chiến và trong đời sống, được Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản H3; Ban chấp hành Hội cựu thanh niên xung phong tỉnh H; UB mặt trận tổ quốc tỉnh Hải Dương xác nhận, tặng kỷ niệm chương; bản thân bị cáo trước khi phạm tội có đóng góp ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”, ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn thông qua Hội chữ thập đỏ tại địa phương phường T nơi bị cáo hoạt động kinh doanh và tại xã T nơi cư trú của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tình tiết thể hiện yếu tố nhân thân, hoàn cảnh gia đình và ý thức đóng góp xã hội của bị cáo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; ngày 05/7/2023 bị cáo bị Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc và đã chấp hành xong ngày 06/7/2023. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều kiện cư trú của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: cần xử phạt bị cáo hình phạt tù mức tương xứng; Xét hành vi bị cáo chứa mại dâm nhưng thực tế bị cáo không thu lợi trong vụ án và là lần đầu phạm tội; bị cáo tuy đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành xong từ tháng 7/2023 và được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, do đó, có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện cải tạo tại địa phương, sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo đang bị tạm giam, nên cần trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác:

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không thu lợi từ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các hành vi khác: Trần Thị Thanh V, Nguyễn Thị Q có hành vi bán dâm; Nguyễn Duy A, Nguyễn Quang Q1 có hành vi mua dâm; Trần Cẩm D, Đỗ Minh H2 có hành vi liên quan dịch vụ kích dục; bị cáo Nguyễn Đình G có hành vi kinh doanh dịch vụ kích dục, là hành vi vi phạm hành chính. Cơ quan có thẩm quyền đã xem xét xử lý hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính của những người này là phù hợp. Phan Bích N2 là người quản lý, thu tiền, sắp xếp cho nhân viên thực hiện dịch vụ kích dục theo sự chỉ đạo của G; Như không biết việc mua bán dâm của nhân viên nên không đồng phạm tội “Chứa mại dâm”.

[9] Về vật chứng: Đối với số tiền 7.400.000 đồng đã thu giữ, đây là tiền liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ trái pháp luật và mua bán dâm tại quán nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình G phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình G cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo **Nguyễn Đình G** ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về vật chứng: **Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:**

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.400.000 đồng đã thu giữ trong vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su .

Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hải Phòng

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo **Nguyễn Đình G** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 12 - Hải Phòng
- Cơ quan CSĐT CA TP Hải Phòng.
- THADS TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

Nguyễn Văn Cường